

TRÀNG GIANG
HUY CẬN

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- HC (1919-2005) quê Hà Tĩnh.
- Là nhà thơ lớn, một trong những đại biểu xuất sắc của phong trào thơ mới với hồn thơ ảo não.
- Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí.
- 1996 được nhận giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật.

2. Tác phẩm chính

- Thơ: Thơ thơ(1938), Gửi hương cho gió (1945), Riêng chung (1960)...
- Văn xuôi:Phân thông vàng (1939), Trường ca (1945).
- Phê bình văn học: Những bước đường tư tưởng của tôi (1958), Công việc làm thơ (1984)...

3. Tác phẩm Tràng giang

- Xuất xứ: Rút từ tập *Lửa thiêng* (1939).
- Cảm xúc từ cảnh sông Hồng mênh mông sông nước.
- Nhan đề: TG không dùng “ trường giang mà là tràng giang vì:
- + Tạo sắc thái cổ kính, trang nhã, gợi cảm nên thơ.
- + Hiệp vần ang tạo dư âm vang xa, âm hưởng trầm buồn, gợi cảm giác mênh mông, bát ngát về con sông lớn.
- Thể thơ thất ngôn

II. Đọc – hiểu

II. Đọc hiểu văn bản.

1. .Lời đề từ: Chứa cảm xúc, tư tưởng của tác giả: gợi bức tranh tổng thể trời rộng, sông dài của bài thơ, báo hiệu niềm băng khuâng, nỗi cô đơn rợn ngợp của con người khi đứng trước trời rộng, sông dài

2. Khổ thơ 1.

- Ba câu đầu:
- + Hình ảnh lớp lớp gợn sóng trên sông dài gợi cảm xúc, ấn tượng về 1 nỗi buồn triền miên, kéo dài theo thời gian, không gian.
- + Hình ảnh con thuyền nhỏ trôi xuôi trên dòng sông rộng lớn -> mênh mông, hoang vắng của dòng sông và sự lẻ loi của con thuyền.
- + *Thuyền về nước lại:* Buồn, chia ly, xa cách
- > Hình ảnh mang đậm màu sắc cổ điển
- Câu thơ cuối: *Củi... lạc dòng:* Hình ảnh 1 cành củi khô đơn lẻ trôi bồng bềnh trên dòng sông mênh mông sóng nước gợi nỗi buồn về kiếp người nhỏ bé, vô định.
- > Hình ảnh mang nét hiện đại rất đời thường.

3. Khổ thơ 2.

Bức tranh tràng giang được hoàn chỉnh thêm với những chi tiết mới: *cồn nhỏ, gió đều hiu, cây cối lơ thơ, chợ chiều đã vắng, làng xa, trời sâu chót vót, bến cô liêu:*

- Từ láy: *lơ thơ, - đều hiu* -> sự vắng lặng, hiu hắt của cảnh vật đôi bờ sông -> khao khát được nghe tiếng vọng thân thiết của cuộc sống (*đâu tiếng..chiều*)
- “Nắngcô liêu”
- + Không gian được mở ra nhiều chiều: nắng xuống, trời lên, sông dài, bến vắng.
- + Phép đối: nắng xuống- trời lên, cách kết hợp: sâu- chót vót: sự vô tận của không gian 3 chiều: rộng, sâu, cao.
- > Nhưng cảnh vật không sống động hơn mà càng tĩnh lặng cô đơn, hiu quạnh, con người cô đơn, nhỏ bé, nỗi sầu càng lan tỏa.

4 Khổ thơ 3.

Tiếp tục hoàn thiện bức tranh Tràng Giang với các hình ảnh:

- *Bèo dạt.. nổi hàng:* sự bơ vơ, lạc lõng của con người trước cuộc đời vô định.

- Điệp từ *Không*, từ láy *lặng lẽ*: sự vắng bóng của con người, chỉ có thiên nhiên với thiên nhiên.
-> Cảnh có thêm màu sắc nhưng càng buồn hơn, chia lìa hơn.-> Nỗi buồn nhân thế: con người mất quyền lợi, mất tự do, mất chủ quyền, kiếp sống lưu lạc trên dòng đời, thân phận bèo bọt, vô nghĩa, cô đơn trước đất trời.

5. Khổ thơ 4.

- Hai câu đầu: bức tranh phong cảnh kì vĩ, nên thơ:

+ Lốp lốp mây trắng chồng lên nhau trên nền trời trông như núi bạc

+ Cánh chim nhỏ bay nghiêng xa báo hiệu bóng chiều xuống

-> bút pháp, âm điệu buồn của thơ cổ điển, đồng thời mang dấu ấn tâm trạng của t/g

- Hai câu sau:

+ *Dọn dọn*: Gợi cảm giác bên trong, buồn vô hạn, nhớ quê hương.

+ *Không khói ...nhớ nhà*: nét cổ điển mà hiện đại trong thơ Huy Cận. Nỗi nhớ da diết của một cái tôi lãng mạn. Đó chính là lòng yêu nước thầm kín của Huy Cận trước cảnh ngộ đất nước mất chủ quyền.

III. Tổng kết

1. Nội dung (ghi nhớ)

2. Nghệ thuật

- Kết hợp hài hòa giữa sắc thái cổ điển và hiện đại.

- Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm.

3. Ý nghĩa văn bản

- Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khao khát hòa nhập với cuộc đời và lòng yêu quê hương đ/n tha thiết của t/g

III. Luyện Tập

Cho HS tìm vẻ đẹp cổ điển và hiện đại trong bài thơ